

- Giám đốc và kế toán trưởng Công ty May Đồng Nai có trách nhiệm điều hành, quản lý doanh nghiệp đến khi bàn giao toàn bộ Công ty cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần May Đồng Nai.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2001. Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Hội đồng quản trị Tổng công ty Dệt - May Việt Nam, Giám đốc Công ty May Đồng Nai, Giám đốc Công ty cổ phần May Đồng Nai, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần May Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

TÀI CHÍNH - KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

THÔNG TƯ liên tịch số 12/2001/TTLT-BTC-BKHCNMT ngày 13/2/2001 hướng dẫn quản lý tài chính đối với nguồn kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ.

Thực hiện Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của

Chính phủ. Để thống nhất quản lý tài chính đối với nguồn kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học công nghệ, liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ của các Bộ, ngành và các địa phương là nguồn thu của ngân sách nhà nước, được đầu tư trở lại cho các hoạt động khoa học, công nghệ phải quản lý theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và một số nội dung được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này.

2. Kinh phí thu hồi được nộp vào tài khoản chuyên thu tại Kho bạc nhà nước, do các Bộ, ngành và Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm chủ tài khoản. Riêng đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp Nhà nước, được nộp vào tài khoản chuyên thu của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Số dư cuối năm của tài khoản chuyên thu được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

3. Hàng năm, các Bộ, ngành, các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường lập báo cáo tình hình thu, chi kinh phí thu hồi tổng hợp chung vào kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ và môi trường hàng năm của các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi cơ quan tài chính đồng cấp, đồng gửi Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tổng hợp gửi Bộ Tài chính.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nguồn thu hồi:

Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ phải thu

hồi một phần kinh phí do Nhà nước hỗ trợ, bao gồm:

- Các đề tài triển khai thực nghiệm (có sản phẩm được thương mại hóa).
- Các dự án sản xuất thử nghiệm.
- Các dự án chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học từ nước ngoài.

Các Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm chuyển toàn bộ số dư của Quỹ Phát triển khoa học công nghệ của Bộ, ngành và địa phương được thành lập trước đây vào tài khoản chuyên thu của mình ở Kho bạc.

Đối với các đề tài, dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này, nếu phát sinh các khoản thu, các đơn vị nộp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Nội dung và mức thu:

2.1. Nội dung thu:

- Thu do bán các sản phẩm thực hiện các đề tài, dự án khoa học, công nghệ.
- Thu về bán vật tư còn thừa sau khi thực hiện.
- Thu từ bán tài sản cố định, công cụ lao động để phục vụ cho đề tài, dự án khi kết thúc.
- Thu khác (nếu có).

2.2. Mức thu hồi:

Mức kinh phí thu hồi đối với các đề tài, dự án phải thu hồi từ 60 - 100% mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, phân theo các đối tượng dự án như sau:

- Mức thu hồi từ 60 - 70%: áp dụng đối với các đề tài, dự án phục vụ trực tiếp cho nông nghiệp, nông thôn, miền núi, các vùng kinh tế có khó khăn.
- Mức thu hồi từ 70 - 80% áp dụng đối với:

+ Các đề tài, dự án tạo ra sản phẩm hàng hóa có tính công nghiệp được thương mại hóa, nhưng sản phẩm ở quy mô nhỏ hoặc đơn chiếc.

+ Các đề tài, dự án về công nghệ cao theo quy định của cấp có thẩm quyền.

+ Các dự án chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học từ nước ngoài.

- Mức thu hồi từ 80 - 100%: áp dụng đối với các đề tài, dự án không thuộc các đối tượng nêu trên.

Đối với các địa phương, những trường hợp đặc biệt, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét có thể quyết định mức thu hồi thấp hơn mức quy định chung tại Thông tư này, nhưng không thấp hơn 50% mức kinh phí được ngân sách nhà nước cấp.

Mức cụ thể do cơ quan ra quyết định phê duyệt đề tài, dự án xem xét, quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Cơ quan tài chính đồng cấp có quyền kiểm tra, đối chiếu, nếu thấy việc quy định mức thu hồi không đúng, có quyền yêu cầu cơ quan ra quyết định phê duyệt đề tài, dự án điều chỉnh lại.

2.3. Xét miễn, giảm mức kinh phí thu hồi:

Trong trường hợp đề tài, dự án phải ngừng triển khai do gặp bão lụt, hỏa hoạn, do thị trường biến động dẫn đến sản phẩm của đề tài, dự án khó tiêu thụ hoặc không tiêu thụ được, thì được xem xét miễn, giảm kinh phí thu hồi. Khi gặp các trường hợp nêu trên, các đơn vị chủ trì đề tài, dự án có báo cáo cụ thể bằng văn bản quá trình triển khai thực hiện và lý do phải ngừng triển khai các đề tài, dự án; khả năng hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ với cơ quan quản lý cấp trên để kiểm tra, xác nhận, cụ thể:

- Đối với đề tài, dự án cấp Nhà nước, sau khi kiểm tra, xác nhận, cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để

phối hợp với cơ quan tài chính đồng cấp xem xét và quyết định mức miễn, giảm kinh phí thu hồi.

- Đối với đề tài, dự án cấp Bộ, ngành, địa phương, cơ quan chủ quản phối hợp với cơ quan tài chính đồng cấp xem xét và quyết định việc miễn, giảm mức kinh phí thu hồi.

3. Nội dung chi từ nguồn kinh phí thu hồi:

- Chi hỗ trợ để thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm với những nội dung chi như sau:

+ Chi hỗ trợ hoàn thiện công nghệ (bao gồm hoàn thiện dây chuyền công nghệ, thiết lập quy trình công nghệ tối ưu, bổ sung hoặc làm mới thiết bị máy móc và các dụng cụ kiểm tra, đo lường...).

+ Chi hỗ trợ sản xuất thử sản phẩm của dự án (chi phí nguyên vật liệu, năng lượng, lao động...).

+ Chi hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý công nghệ, công nhân kỹ thuật cao phục vụ trực tiếp cho đề tài, dự án.

+ Chi hỗ trợ cho công tác xúc tiến thương mại, quản lý, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án.

Mức kinh phí Nhà nước hỗ trợ không quá 30% tổng mức đầu tư cần thiết để thực hiện đề tài, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không bao gồm trang thiết bị, nhà xưởng đã có). Mức hỗ trợ cụ thể cho từng đề tài, dự án do cơ quan ra quyết định phê duyệt đề tài, dự án xem xét quyết định. Cơ quan tài chính kiểm tra, đối chiếu, nếu thấy mức kinh phí hỗ trợ sai quy định về tổng mức và nội dung chi, có quyền yêu cầu cơ quan ra quyết định điều chỉnh lại.

- Chi cho những nhiệm vụ khoa học, công nghệ đột xuất theo quyết định của cấp có thẩm quyền, theo đúng chế độ, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước.

4. Công tác quản lý tài chính:

Công tác lập dự toán, cấp phát và quyết toán

kinh phí từ nguồn kinh phí thu hồi được thực hiện theo các quy định chung về lập dự toán, cấp phát và quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các chế độ tài chính hiện hành và hướng dẫn cụ thể thêm một số nội dung như sau:

4.1. Lập dự toán:

- Hàng năm, cùng với việc lập dự toán thu, chi ngân sách, căn cứ vào kế hoạch thu hồi kinh phí từ các đề tài, dự án khoa học công nghệ có thu hồi kinh phí và tình hình triển khai thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm, các Bộ, ngành, các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường lập dự toán thu, chi nguồn kinh phí thu hồi vào dự toán kinh phí khoa học, công nghệ và môi trường gửi cơ quan tài chính đồng cấp và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

- Dự toán chi nguồn kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học công nghệ được giao cùng với dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo Luật Ngân sách nhà nước.

4.2. Công tác thu, nộp kinh phí thu hồi:

- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (đối với nguồn kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp Nhà nước), các Bộ, ngành (đối với nguồn kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp Bộ, ngành), Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường (đối với nguồn kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ của địa phương) có trách nhiệm mở tài khoản chuyên thu tại Kho bạc nhà nước để theo dõi, quản lý kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và chịu trách nhiệm về tiến độ thu và số kinh phí thu hồi đã được quy định trong hợp đồng.

- Các đơn vị thực hiện đề tài, dự án khoa học, công nghệ có trách nhiệm nộp kinh phí thu hồi đầy đủ vào tài khoản chuyên thu, đúng thời gian đã ghi trong hợp đồng. Các cơ quan quản lý cấp trên của các đơn vị có trách nhiệm đôn đốc các

đơn vị thực hiện công tác thu hồi kinh phí theo đúng hợp đồng đã ký.

4.3. Công tác cấp phát kinh phí từ nguồn kinh phí thu hồi:

Cơ quan tài chính cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện đề tài, dự án (cấp trực tiếp cho đơn vị hoặc cấp qua cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị) căn cứ vào:

- Dự toán chi từ nguồn kinh phí thu hồi về khoa học, công nghệ đã được giao.
- Các hợp đồng khoa học, công nghệ đã ký kết và hồ sơ đề tài, dự án kèm theo.
- Nguồn kinh phí thu hồi từ tài khoản chuyên thu đã nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với các đề tài, dự án thực hiện trên 1 năm, các đơn vị thực hiện phải báo cáo kết quả thực hiện năm trước để làm căn cứ cấp phát tiếp kinh phí năm sau.

Riêng, đối với các đề tài, dự án cấp Nhà nước do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ký với các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện, Bộ Tài chính sẽ cấp kinh phí ủy quyền về địa phương qua Sở Tài chính - Vật giá, để cấp lại cho Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

4.4. Việc báo cáo kết quả thực hiện và quyết toán kinh phí:

- Quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 103/1998/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, ngoài ra thực hiện các quy định sau đây:

+ Đối với đề tài, dự án thực hiện bằng nguồn kinh phí thu hồi của địa phương, cơ quan thực hiện đề tài, dự án báo cáo với Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tổng hợp báo cáo với Sở Tài chính - Vật giá.

+ Đối với đề tài, dự án thực hiện ở địa phương

bằng nguồn kinh phí thu hồi của Trung ương (do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý): cơ quan thực hiện đề tài, dự án báo cáo quyết toán với Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tổng hợp báo cáo quyết toán với Sở Tài chính - Vật giá. Sở Tài chính - Vật giá báo cáo quyết toán với Bộ Tài chính.

+ Đối với đề tài, dự án thực hiện ở Trung ương từ nguồn kinh phí thu hồi do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý hoặc từ nguồn kinh phí thu hồi của cơ quan quản lý cấp trên quản lý, thực hiện việc báo cáo quyết toán với cơ quan quản lý cấp trên.

Riêng các đề tài, dự án đã ký hợp đồng và được cấp kinh phí từ năm 1997 trở về trước: các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án sử dụng nguồn ngân sách trung ương, do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp, có trách nhiệm quyết toán với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tổng hợp quyết toán với Bộ Tài chính. Đối với các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án sử dụng nguồn ngân sách địa phương thì quyết toán với Sở Tài chính - Vật giá.

4.5. Công tác kiểm tra tình hình thực hiện đề tài, dự án:

- Đối với các đề tài, dự án cấp Nhà nước, hàng năm Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Bộ Tài chính, cơ quan chủ quản của các đơn vị thực hiện đề tài, dự án kiểm tra tình hình thực hiện đề tài, dự án về tiến độ thực hiện, các nội dung khoa học, công nghệ... theo hợp đồng đã ký. Riêng về kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí đã cấp cho các đề tài, dự án do cơ quan chủ quản chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính thực hiện.

- Đối với các đề tài, dự án cấp Bộ, ngành: Các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra tình hình thực hiện đề tài, dự án về tiến độ thực hiện, các nội dung khoa học, công nghệ... theo hợp đồng đã ký và tình hình sử dụng kinh phí đã cấp cho các đề tài, dự án.

- Đối với các đề tài, dự án của địa phương: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính đồng cấp thực hiện công tác kiểm tra tình hình thực hiện đề tài, dự án về tiến độ thực hiện, các nội dung khoa học công nghệ,... theo hợp đồng đã ký. Riêng về kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí đã cấp cho các đề tài, dự án do cơ quan chủ quản chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính đồng cấp thực hiện.

Trường hợp đơn vị thực hiện đề tài, dự án không đảm bảo thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, sử dụng kinh phí sai mục đích, sai chế độ, các cơ quan kiểm tra nêu trên sẽ kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đề tài, dự án và thu hồi kinh phí đã cấp.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký, thay thế cho Thông tư liên tịch số 50/1998/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 15/4/1998 của liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn công tác quản lý tài chính đối với nguồn kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

KT. Bộ trưởng Bộ Khoa học,
Công nghệ và Môi trường
Thứ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ liên tịch số 03/2001/TTLT- BKHD-T-BCN-BTM ngày 18/5/2001 hướng dẫn việc nhập khẩu linh kiện ô tô dạng CKD1.

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000 và Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 365/CP-KTTH ngày 10 tháng 4 năm 1999 của Văn phòng Chính phủ;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công nghiệp, Bộ Thương mại ban hành Thông tư hướng dẫn việc lắp ráp ô tô dạng CKD1 của các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô như sau:

1. Các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô được phép hoạt động tại Việt Nam được nhập khẩu linh kiện ô tô dạng CKD1 để thăm dò thị trường tiêu thụ trong nước đối với các mẫu ô tô mới với số lượng tối đa 300 xe với thời gian tối đa không quá 2 năm cho mỗi mẫu ô tô mới.

2. Khi triển khai sản phẩm mới, doanh nghiệp cần đăng ký bổ sung sản phẩm mới vào danh mục sản phẩm trong Luận chứng kinh tế kỹ thuật hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi xin cấp Giấy phép Đầu tư.

3. Sau khi được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác nhận đăng ký bổ sung danh mục sản phẩm, doanh nghiệp báo cáo Bộ Thương mại để được giải quyết thủ tục nhập khẩu theo quy định hiện hành.